TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-PT
Ngày: 26-9-2022
V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các thẩm phán: Bà Võ Thị Trầm

Ông Võ Đình Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 30/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2022, Thông báo ngày xét xử số 283/TA-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 37/2022/QĐ-PT ngày 07/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn H; địa chỉ: phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Nh; địa chỉ: phường Đ, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn H - Văn phòng Luật sư Văn Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày:

Ông và ông Lê Nh có quan hệ làm ăn với nhau. Ngày 10/10/2016, ông bán cho ông Lê Nh một lô vật tư, thiết bị với giá 500.000.000đ, ông Nh đã nhận đủ thiết bị nhưng chưa thanh toán tiền. Đồng thời, từ ngày 10/10/2016 đến ngày 19/4/2018, ông cho ông Nh vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 1.130.201.536đ. Ngày 18/4/2018, ông Nh có ký xác nhận công nợ với nội dung ông Nh còn nợ của ông H tiền mua thiết bị và tiền vay, tổng cộng là 1.630.201.536đ. Sau khi xác nhận công nợ, ông đã nhiều lần yêu cầu ông Nh thanh toán số tiền này nhưng ông Nh hứa hẹn, sau đó, cố tình tránh mặt và không trả nợ cho ông.

Nay, ông yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Nh phải trả cho ông số tiền 600.000.000đ trong tổng số nợ 1.630.201.536đ.

- Bị đơn ông Lê Nh trình bày:

Ngày 01/10/2016, ông có nhận lại công việc của ông Võ Văn H (là chủ Công ty V) để làm công việc tại nhà máy A và Engineering Ltd do ông H nhận thầu từ nhà máy này. Công việc ông làm là theo Hợp đồng liên doanh số 16-01/HĐKV ngày 01/10/2016 giữa ông và ông H. Trong hợp đồng ghi rõ việc ông H cung cấp cho ông toàn bộ thiết bị để làm công việc của ông H nhưng khi ông H tự dừng công việc vào tháng 5/2017, toàn bộ giấy tờ và thiết bị ông H vẫn giữ nên toàn bộ thiết bị này vẫn là của ông H. Về công việc, theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng trên, ông H tạm ứng cho ông 1.500.000.000đ trong 01 năm để ông trả lương cho công nhân, khi công việc hoàn thành, ông H nhận tiền của đối tác và sẽ quyết toán trừ số tiền tạm ứng, số còn lại giao cho ông trong 24 giờ.

Thực tế, từ tháng 10/2016 đến tháng 12/2016, ông H tạm ứng tiền cho ông đúng hạn. Từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2017, ông H ứng tiền chậm trễ làm công nhân nhận lương chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ công việc. Đến tháng 4/2017 và tháng 5/2017, ông H đột ngột ngừng tạm ứng tiền mà không báo trước; vì vậy, ông không có tiền trả lương cho công nhân nên không thể tiếp tục công việc. Hậu quả là ông không thể hoàn thành được công việc đang dở dang, ông phải tự trả tiền lương cho công nhân tháng 4/2017 là 200.000.000đ và tháng 5/2017 là 150.000.000đ, đến nay, vẫn chưa quyết toán hoàn toàn.

Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Đồng thời, ông có đơn phản tố yêu cầu ông H phải trả cho ông 350.000.000đ là số tiền mà ông đã ứng ra để trả lương cho công nhân.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; căn cứ khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn H. Buộc bị đơn ông Lê Nh phải trả cho ông Võ Văn H 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Nh về việc buộc ông Võ Văn H phải trả cho ông Lê Nh 350.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/12/2021, bị đơn ông Lê Nh kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến của các đương sự và Luật sư tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Lê Nh trình bày: Ông ký Hợp đồng liên doanh số 16-01/HĐKV ngày 01/10/2016 là ký giữa cá nhân ông với Công ty TNHH V MR do ông H làm người đại diện ký vì Công ty này thực chất là của ông H. Công ty V do ông H làm chủ đã vi phạm thỏa thuận theo Hợp đồng trên, không ứng tiền cho ông để ông trả lương cho công nhân nên ông không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H và ông H phải trả lại cho ông tiền theo yêu cầu phản tố của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bi đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm sau: (1) chậm trễ trong việc thụ lý yêu cầu phản tố của bi đơn và trong việc giải quyết vụ án; (2) nhận định sai bản chất sự việc, Tòa án xem việc ông H đưa tiền cho ông Nh như là việc vay mượn tiền giữa hai cá nhân ông H và ông Nh là không đúng, thực chất đây là quan hệ hợp tác làm ăn kinh doanh giữa ông Nh với Công ty V MR do ông H là chủ thực sự; (3) không thu thập chứng cứ là bản hợp đồng hợp tác ký giữa ông H với ông Nh dù bi đơn đã yêu cầu; (4) Tòa án căn cứ vào bản xác nhận công nợ để buộc ông Nh trả nợ cho ông H là chưa đánh giá đầy đủ chứng cứ. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày: Theo Bảng xác nhận công nợ ngày 18/4/2017, ông Nh nợ ông 1.483.000.000đ chưa kể lãi. Nay, ông chỉ yêu cầu trả 600.000.000đ, không yêu cầu trả lãi, số tiền còn lại ông không đòi nợ, coi như xóa nợ cho ông Nh vì ông biết ông Nh không có khả năng kinh tế. Ông không liên quan gì đến Công ty TNHH V, không phải nhân viên hay lãnh đạo của Công ty.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hợp đồng liên doanh số 16-01/HĐKV ngày 01/10/2016 mà bi đơn ông Nh cho là ký giữa ông Nh và ông H – Chủ Công ty TNHH V MR do ông Nh cung cấp không có chữ ký xác nhận của các bên và cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Mặt khác, trong Hợp đồng này thể hiện bên A là Công ty TNHH MR V do

ông Võ Văn H - phó giám đốc làm đại diện và bên B là ông Lê Văn Nh chức vụ phó giám đốc làm đại diện tham gia ký kết hợp đồng là không thực tế vì tại Biên bản phiên tòa ngày 15/12/2021 (bút lục 82-83) và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/7/2022, ông Nh và ông H cùng trình bày các ông không giữ chức vụ gì trong Công ty này. Như vậy, Hợp đồng liên doanh trên không có giá trị pháp lý giữa các bên. Ông Nh yêu cầu phản tố buộc ông H phải trả cho ông 350.000.000đ do vi phạm Hợp đồng và gây thiệt hại cho ông nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nh.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Ngoài Bảng xác nhận công nợ giữa ông H và ông Nh tính từ ngày 10/10/2016 đến 19/4/2017 có chữ ký của ông H và ông Nh, ông H đã cung cấp các tin nhắn qua Zalo từ số điện thoại 0905042065 của ông Lê Nh gửi đến số điện thoại của ông thể hiện ông Nh nhắn tin cho ông H với nội dung "*Trong mail cong no ngay 15/01 a gui la 1,177,960 30tr nua la la 1,207,960 Bay gio la 178tr Tong cong la 1,385,000 noi dung ma*" (bút lục 54) phù hợp với số tiền thể hiện trong Bảng xác nhận công nợ ngày 18/4/2017. Ngoài ra, trong thư điện tử (Mail) của ông Nh gửi ông H có nội dung "*vì để công việc phát triển tốt, mong sếp cho Nhiêu vay 250 triệu để trang trải lương cho công nhân và đầu tư thiết bị, vật tư*" (bút lục 24). Như vậy, có việc vay mượn tiền giữa ông H và ông Nh, ông Nh cũng thừa nhận theo bảng xác nhận công nợ ngày 18/4/2017 và chữ ký của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Văn H xác định rõ ông chỉ yêu cầu ông Lê Nh trả 600.000.000đ, không yêu cầu trả lãi, số tiền còn lại ông không đòi nợ, coi như xóa nợ cho ông Nh. Vì vậy, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Lê Nh phải trả cho nguyên đơn ông Võ Văn H 600.000.000đ như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Nh cung cấp USB có nội dung ông Lê Hồng Ph khai ông chỉ là người đứng tên đại diện cho Công ty TNHH V MR trên danh nghĩa còn ông H mới là chủ thực tế của Công ty và ông Ph không liên quan đến vụ việc giữa ông H với ông Nh; ngoài ra, ông Nh không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó, không có căn cứ để xem xét yêu cầu của ông Nh.

Bên cạnh đó, ngày 02/01/2019, bị đơn Lê Nh có Đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn ông Võ Văn H phải trả cho ông 350.000.000đ do ông H vi phạm hợp đồng và gây thiệt hại cho ông (bút lục 44, 45). Ông Nh đã nộp tạm ứng án phí 8.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009567 ngày 27/5/2020 (bút lục 48) nhưng Tòa án sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 09/12/2020, Tòa án sơ thẩm có lập biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu này của bị đơn. Nhưng sau đó, tại ngày mở phiên tòa lần đầu, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Thông báo thụ lý về yêu cầu phản tố số 103/2021/TB-TLVA ngày 22/11/2021 (bút lục 73) nhưng chưa lấy ý kiến của nguyên đơn về yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 109 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy

nhiên, bản án sơ thẩm đã xem xét, giải quyết yêu cầu này của bị đơn nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Nh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử và chậm trễ trong việc thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn nên cần rút kinh nghiệm nhưng đây không phải là căn cứ hủy bản án sơ thẩm.

[2] Việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cụ thể là Hợp đồng liên doanh số 16-01.HĐKV thuộc về trách nhiệm của ông Lê Nh. Tuy nhiên, theo đề nghị của ông Nh, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông Võ Văn H cung cấp Hợp đồng này cho Tòa án, tuy nhiên, ông H không thừa nhận sự tồn tại của hợp đồng này, không có hợp đồng này để cung cấp cho Tòa án. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng qui định về thu thập chứng cứ liên quan đến Hợp đồng này.

[3] Về đánh giá chứng cứ: Theo Bảng thỏa thuận mua vật tư, thiết bị đề ngày 01/12/2016 (bút lục 18) đã được ông Võ Văn H và ông Lê Nh thừa nhận là đúng thì ông H đã bán cho ông Lê Nh số thiết bị theo danh sách được hai bên ký thừa nhận với giá 500.000.000đ, số tiền này được ông H cho ông Nh nợ làm ăn với lãi suất 3%/tháng.

[4] Theo Giấy xác nhận công nợ ngày 18/4/2017 giữa ông Lê Nh và ông Võ Văn H (bút lục 67) và thừa nhận của hai ông thì từ ngày 10/10/2016 đến ngày 19/4/2017, ông Nh đã mua vật tư và nợ ông H những khoản sau:

1. Ngày 10/10/2016	tiền thiết bị	500.000.000đ	lãi suất: 3%
2. Ngày 10/10/2016	tiền vay cũ	50.000.000đ	lãi suất: 4%
3. Ngày 10/10 đến 10/11/2016	tiền thiết bị	15.000.000đ	không lãi
4. Ngày 10/11/2016	tiền vay thêm	60.000.000đ	lãi suất: 4%
5. Ngày 10/12/2016	tiền vay thêm	50.000.000đ	lãi suất: 4%
6. Ngày 15/12/2016	tiền vay thêm	200.000.000đ	lãi suất: 4%
7. Ngày 15/01/2017	tiền vay	250.000.000đ	lãi suất: 4%
8. Ngày 17/3/2017	tiền vay	30.000.000đ	không lãi
9. Ngày 17/3/2017	tiền vay	178.000.000đ	không lãi
10. Ngày 19/4/2017	tiền vay	150.000.000đ	không lãi.

Tổng cộng nợ gốc: 1.483.000.000đ, chưa kể lãi.

[5] Ngoài Giấy xác nhận nhận công nợ trên, các tin nhắn do ông Nh gửi cho ông H từ số điện thoại +84 90 5042065 của ông Nh (bút lục 49 đến 55) thể hiện

việc ông Nh nhiều lần nhắn tin qua Zalo yêu cầu ông H cho ông Nh vay tiền để ông Nh trả lương cho công nhân, mua thiết bị và số tiền này cũng phù hợp với bảng xác nhận công nợ ngày 18/4/2017 trên. Giấy xác nhận công nợ cũng phù hợp với Bảng thỏa thuận mua vật tư, thiết bị đề ngày 01/12/2016 (bút lục 18). Số tiền ông H chuyển cho ông Nh theo yêu cầu vay tiền của ông Nh cũng được ông H chuyển từ tài khoản cá nhân của ông.

[6] Ông Nh cho rằng tiền nợ mua thiết bị và các khoản ông H chuyển cho ông kể trên không phải là tiền ông vay của ông Nh mà là tiền ông H đầu tư hợp tác làm ăn với ông theo Hợp đồng liên doanh số 16-01.HĐKV được ký giữa cá nhân ông Nh với Công ty TNHH V MR do ông H là chủ của Công ty. Theo ông Nh trình bày, ông H với tư cách là đại diện Công ty V ứng các khoản tiền trên cho ông Nh để ông Nh thực hiện phần việc của Công ty TNHH V MR đã nhận thầu với nhà máy A và Engineering Ltd, mọi công việc ông Nh trực tiếp làm việc qua ông H với tư cách là đại diện Công Ty TNHH V MR nhưng ông Nh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho trình bày của mình trong khi ông H không thừa nhận việc này; bản thân ông Nh cũng không phải là người đại diện của Công ty TNHH V MR; Hợp đồng liên doanh số 16-01.HĐKV mà ông Nh đưa ra cũng không có chữ ký của các bên tham gia hợp đồng. Ông Lê Hồng Ph là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V MR, tại văn bản đề ngày 24/9/2022 gửi Tòa án, thì trình bày: "*Trước đây tôi có làm đại diện cho Công ty TNHH TRí Việt MR. Về vụ án dân sự (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán) giữa nguyên đơn ông Võ Văn H với ông Lê Nh, tôi hoàn toàn không liên quan đến vụ việc này*". Vì vậy, Hợp đồng liên doanh mà ông Lê Nh cung cấp cho Tòa án không có giá trị pháp lý.

[7] Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc ông Nh nợ ông H tiền mua vật tư và nợ tiền vay 1.483.000.000đ là có thật, yêu cầu phản tố của ông Nh về việc buộc ông H trả ông Nh 350.000.000đ ông Nh đã bỏ ra để trả lương công nhân không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Văn H xác định rõ ông chỉ yêu cầu ông Lê Nh trả 600.000.000đ, không yêu cầu trả lãi, số tiền nợ còn lại ông không đòi nợ, coi như xóa nợ cho ông Nh. Vì vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Lê Nh phải trả cho nguyên đơn ông Võ Văn H 600.000.000đ như yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm ghi nội dung ông H yêu cầu ông Nh trả 600.000.000đ, sau này sẽ khởi kiện số nợ còn lại là ghi chưa đúng trình bày của ông H; Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại phần trình bày của ông H cho đúng.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/9/2022, bị đơn ông Lê Nh cung cấp cho Tòa án USB do ông Nh ghi lại cuộc nói chuyện giữa ông Nh và ông Lê Hồng Ph là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V MR mà theo ông Nh là có nội dung ông Ph nói ông Ph chỉ là người đứng tên đại diện cho Công ty TNHH V MR còn ông H mới là chủ thực sự của Công ty và ông Ph không liên quan đến vụ việc giữa ông H với ông Nh. Ngoài ra, ông Lê Nh cũng không cung cấp tài

liệu, chứng cứ gì thêm. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung USB như ông Lê Nh trình bày không làm thay đổi bản chất vụ việc như đã phân tích, đánh giá ở trên.

[9] Do kháng cáo của ông Lê Nh không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Nh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn H. Buộc bị đơn ông Lê Nh phải trả cho ông Võ Văn H 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Nh về việc buộc ông Võ Văn H phải trả cho ông Lê Nh 350.000.000đ.

3. Án phí:

3.1. Ông Lê Nh phải chịu 45.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 8.750.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009567 ngày 27/5/2020 và 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004401 ngày 07/01/2022 đều của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Như vậy, ông Lê Nh chỉ còn phải nộp 36.750.000đ án phí.

3.2. Trả lại cho ông Võ Văn H 14.000.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004039 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

Qui định chung:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu: VP, Tòa DS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền